

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2022/DS-ST**
Ngày: 08 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hoàng Diệt.

Ông Sơn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Ph trình bày:

Vào ngày 21-3-2021 (nhằm ngày 09-02 năm Tân Sửu), bà L hỏi vay của ông Ph số tiền 50.000.000 đồng nhưng ông Ph không có tiền cho vay. Bà L nhờ ông

Ph vay của bà Nguyễn Thị T, do chỗ quen biết nên ông Ph vay của bà Tới số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.250.000 đồng/tháng. Sau khi nhận tiền của bà Tới, ông Ph cho bà L vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1.250.000 đồng/tháng, bà L nhận tiền và đồng ý ký tên vào biên nhận.

Sau khi nhận tiền vay, bà L đóng lãi cho ông Ph được 01 tháng với số tiền 1.250.000 đồng, sau đó bà L không đóng lãi, không trả tiền vốn vay cho ông Ph. Nhiều lần ông Ph yêu cầu bà L đóng lãi, trả vốn vay thì bà L trốn tránh, không trả tiền lãi, tiền vốn vay cho ông Ph.

Do đó, ông Ph khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận từ tháng 5-2021 đến tháng 01-2022 là 09 tháng, mức lãi suất 1.250.000 đồng/tháng, với số tiền 11.250.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ph yêu cầu bà L trả số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng; rút lại yêu cầu bà L trả tiền lãi với số tiền 11.250.000 đồng; ông Ph thừa nhận bà L đóng lãi cho ông Ph 06 tháng, mức lãi suất 1.250.000 đồng/tháng (tương đương 30%/năm) với số tiền 7.500.000 đồng, ông Ph đồng ý khấu trừ số tiền bà L đóng lãi vượt so với mức lãi suất quy định (20%/năm) tương đương số tiền 2.500.000 đồng vào số tiền vốn vay. Sau khi khấu trừ, bà L phải trả cho ông Ph số tiền vốn vay là 47.500.000 đồng.

- Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L thừa nhận có vay của ông Ph số tiền 50.000.000 đồng. Việc vay tiền có làm biên nhận chữ viết tay có chữ ký của bên cho vay là ông Ph và bên vay là bà L. Mỗi tháng bà L phải đóng lãi cho ông Ph số tiền 1.250.000 đồng. Sau khi nhận số tiền vay của ông Ph, bà L có đóng lãi cho ông Ph nhưng bà L không nhớ chính xác số lần đóng lãi, khi đóng lãi hai bên không có làm biên nhận.

Bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ph, đồng ý trả cho ông Ph số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng. Số tiền lãi bà L đóng vượt so với mức lãi suất quy định ông Ph đồng ý khấu trừ vào vốn vay thì bà L đồng ý. Hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn, còn nhiều khoản nợ khác phải trả nên bà L đề nghị trả dần mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph: Buộc bà L trả cho ông Ph số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi mà ông Ph đã rút với số tiền 11.250.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ph đồng ý khấu trừ số tiền lãi bà L đã đóng vượt so với mức lãi suất quy định với số tiền 2.500.000 đồng vào số tiền vốn vay. Như vậy, sau khi khấu trừ, bà L phải trả cho ông Ph số tiền vốn vay là 47.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Ph khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L trả số tiền vay, tiền lãi. Bị đơn bà Nguyễn Thị L cư trú tại Ấp N, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Nguyên đơn ông Ph rút lại yêu cầu bà L phải trả cho ông Ph số tiền lãi là 11.250.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút lại yêu cầu khởi kiện này do ông Ph tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[3] Ông Ph và bà L thống nhất vào ngày 09-02-2021 ông Ph cho bà L vay số tiền 50.000.000 đồng. Giao dịch vay tiền này hai bên có làm giấy biên nhận chữ viết tay. Đồng thời, ông Ph cung cấp được bản chính giấy vay tiền lập ngày 09-02-2021. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử các tình tiết, sự kiện nêu trên là sự thật, không phải chứng minh.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ph yêu cầu bà L trả số tiền vay 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Ph yêu cầu bà L trả số tiền vay là 50.000.000 đồng. Bà L thừa nhận có vay của ông Ph số tiền 50.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông Ph số tiền vay còn nợ. Như vậy, yêu cầu khởi kiện này của ông Ph là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ông Ph, bà L thống nhất hàng tháng bà L đóng lãi cho ông Ph số tiền 1.250.000 đồng. Bà L cho rằng có đóng lãi cho ông Ph, khi đóng lãi không có làm biên nhận, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh có đóng lãi cho ông Ph. Tuy nhiên, ông Ph thừa nhận bà L đóng lãi được 06 tháng, mỗi tháng đóng lãi số tiền 1.250.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định bà L đóng lãi cho ông Ph 06 tháng, mỗi tháng đóng lãi số tiền 1.250.000 đồng, tương đương số tiền 7.500.000 đồng.

[6] Khi xác lập giao dịch vay tiền, ông Ph và bà L thỏa thuận lãi suất là 1.250.000 đồng/tháng đối với số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, mức lãi suất này tương đương 30%/năm, vượt 10%/năm so với mức lãi suất cho vay có lãi quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, mức lãi suất vượt (10%/năm) này không có hiệu lực.

[7] Ông Ph thừa nhận mức lãi suất cho vay thỏa thuận 30%/năm là vượt so với mức lãi suất quy định, đồng ý khấu trừ số tiền lãi bà L đã đóng vượt so với mức lãi suất quy định là 10%/năm, tương đương số tiền 2.500.000 đồng vào số tiền vốn vay, việc đồng ý khấu trừ số tiền lãi vượt mức quy định này do ông Ph tự nguyện và có lợi cho bà L nên được chấp nhận. Sau khi khấu trừ, bà L phải trả cho ông Ph số tiền vốn vay là 47.500.000 đồng.

[8] Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph, buộc bà L phải trả cho ông Ph số tiền vốn vay 47.500.000 đồng; đình chỉ xét xử phần yêu cầu tính lãi mà ông Ph đã rút với số tiền 11.250.000 đồng.

[9] Bà L yêu cầu được trả dần mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ nhưng ông Ph không đồng ý. Yêu cầu này của bà L sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Như đã nhận định, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ph được chấp nhận. Ông Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Ph, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Ph số tiền vốn vay là 47.500.000 đồng (bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Hoàng Ph có đơn yêu cầu thi hành án bà Nguyễn Thị L còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Ph yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L trả số tiền lãi là 11.250.000 đồng (bằng chữ: Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.375.000 đồng (bằng chữ: Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Hoàng Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.531.250 đồng (bằng chữ: Một triệu năm trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003594 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- CCTHADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt